

# ĐỜI SỐNG VĂN HOÁ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM SAU HAI MƯƠI NĂM ĐỔI MỚI

NGUYỄN VĂN DÂN<sup>(\*)</sup>

Sau hai mươi năm đổi mới và hội nhập, văn hoá Việt Nam đã có những biến đổi sâu sắc theo hướng nâng cao, trở nên phong phú hơn, cởi mở hơn. Đó là kết quả đường lối mở cửa của Đảng và Nhà nước. Điều này rất phù hợp với xu thế chung của thế giới ngày nay là giao lưu và hội nhập quốc tế. Làm được như vậy trước hết là vì chúng ta đã đổi mới về tư duy. Trong đời sống văn hoá, đổi mới tư duy được thể hiện quan trọng nhất là ở khía cạnh chính trị-pháp lý.

## 1. Đổi mới về khía cạnh chính trị-pháp lý

Nói đến đổi mới trong đời sống văn hoá trước hết là nói tới sự đổi mới về đường lối, chủ trương, chính sách. Kể từ thời mở cửa, chúng ta phải ghi nhận một cột mốc quan trọng về mặt đổi mới đường lối văn hoá Việt Nam. Đó là việc Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII ra Nghị quyết Trung ương 5 “Về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, ban hành 16/7/1998.

Trong Nghị quyết này, Đảng đã đánh giá khách quan những thành tựu văn hoá, nghiêm khắc kiểm điểm những mặt yếu kém, thẳng thắn chỉ ra những nguyên nhân chủ yếu và đề ra phương hướng, nhiệm vụ cụ thể để phát triển

văn hoá. Đảng đã có chủ trương phát triển văn hoá rất đúng theo quan điểm hội nhập quốc tế, xây dựng con người và văn hoá Việt Nam trong mối quan hệ biện chứng giữa dân tộc với quốc tế; coi văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội; nhấn mạnh ngay ở nhiệm vụ đầu tiên là phải xây dựng con người Việt Nam vừa có tinh thần yêu nước, vừa đoàn kết với nhân dân thế giới; đề cao giá trị dân chủ và tôn trọng tự do sáng tác của các văn nghệ sĩ; mở cửa tiếp thu mọi thành tựu văn hoá của thế giới, hoàn toàn không nhắc đến quan điểm giáo điều suy tôn phương pháp hiện thực XHCN, để khẳng định rằng Đảng “khuyến khích tìm tòi, thử nghiệm mọi phương pháp, mọi phong cách sáng tác” (1, tr.171). Đây là một điều rất mới, là cơ sở pháp lý đúng đắn, đảm bảo quyền tự do văn hoá cho con người Việt Nam. Điều này đang được thể hiện thành hiện thực sáng tác phong phú và đa dạng trong văn học – nghệ thuật đương đại.

Đến Đại hội IX (2001), tiếp nối tinh thần của Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII, Đảng đã đề ra định hướng phát

---

(\*) PGS., TS., Phó Viện trưởng Viện Thông tin KHXH.

triển văn hoá là “Đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá”; “Xây dựng nếp sống văn minh và gia đình văn hoá”;... Phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; bảo tồn và tôn tạo các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể làm nền tảng cho sự giao lưu văn hoá giữa các cộng đồng, giữa các vùng cả nước và giao lưu văn hoá với bên ngoài” (2, tr.222). Ở Đại hội này, phát triển văn hoá được nhấn mạnh vào việc xây dựng “đời sống văn hoá”, “nếp sống văn minh”, đẩy mạnh “giao lưu văn hoá” trong biên giới và liên biên giới. Có thể thấy rõ, đường lối phát triển văn hoá theo tinh thần hội nhập đã được Đảng kiên trì quán triệt.

Đại hội X (2006) của Đảng đã khẳng định lại phương hướng coi *phát triển văn hoá là “nền tảng tinh thần của xã hội”*. Cụ thể là phải “làm cho văn hoá thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người, hoàn thiện hệ giá trị mới của con người Việt Nam, kế thừa các giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá của loài người, tăng sức đề kháng chống văn hoá đồi trụy độc hại. Nâng cao tính văn hoá trong mọi hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội và sinh hoạt của nhân dân” (3, tr.213).

Gần đây nhất, ngày 16/6/2008, Đảng đã ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TU của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới. Đây là nghị quyết đầu tiên của Đảng dành riêng cho văn học, nghệ thuật, một lĩnh vực cụ thể của văn hoá, như là một sự cụ thể hoá của Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII về xây dựng nền văn hoá Việt Nam. Trong Nghị quyết lần này, Đảng cũng khẳng định quyền tự do sáng tác khi nói đến

thành tựu của văn học, nghệ thuật thời gian qua: “Tự do trong sáng tạo nghệ thuật và sự đa dạng về nội dung, phong cách sáng tác, phương thức biểu hiện được tôn trọng; dấu ấn cá nhân, cá tính sáng tạo được khẳng định” (4, tr.5-6). Và trong phần “Mục tiêu, quan điểm chỉ đạo...”, Đảng tiếp tục chủ trương: “Tiếp tục đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển mạnh mẽ, đa dạng của văn học, nghệ thuật về đề tài, nội dung, loại hình, phương pháp sáng tác, sự tìm tòi, thử nghiệm, nâng cao chất lượng toàn diện nền văn học, nghệ thuật nước nhà”. Đây là sự quan tâm sát sao của Đảng đối với việc xây dựng và phát triển văn hoá và đời sống văn hoá của con người Việt Nam, là sự quyết tâm của Đảng đối với sự nghiệp đổi mới văn hoá.

Vì thế, từ ngày đổi mới đến nay, đời sống văn hoá của người dân Việt Nam đã được nâng lên một tầm cao mới, trở nên đa dạng và phong phú hơn rất nhiều. Các loại hình văn hoá-nghệ thuật cũ được phát huy. Đồng thời, các loại hình văn hoá-nghệ thuật mới của thế giới cũng được tiếp thu rộng rãi. *Đây cũng là kết quả của việc Đảng công nhận và mở rộng quyền tự do văn hoá, theo đúng với xu hướng chung về mở rộng quyền con người của thế giới.*

Một điều đổi mới quan trọng trong tư duy là Đảng đã công nhận khía cạnh *quyền lợi cá nhân* trong quyền tự do văn hoá. Trong các đức tính của con người Việt Nam, Đảng chủ trương xây dựng con người có đức tính lao động chăm chỉ “vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội” (Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII). Đó là một điều rất mới mẻ, bởi lẽ trước đây, chúng ta vẫn hô hào hy sinh quyền lợi cá nhân vì lợi ích tập thể.

Điều này ngày nay cũng có nghĩa là sáng tạo văn hoá không chỉ vì lợi ích tinh thần, mà nó còn có thể đem lại lợi ích vật chất-kinh tế. Với tư cách là *nền tảng* của đời sống tinh thần, văn hoá không thể không mang giá trị vật chất-kinh tế, nhất là khi nó được đưa vào đời sống của người dân, trở thành đời sống văn hoá của người dân. Vì thế chúng ta không có quyền xem nhẹ giá trị vật chất-kinh tế của văn hoá. Về điều này, Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII của Đảng cũng nói rất rõ: Phải xây dựng “*Chính sách kinh tế trong văn hoá nhằm gắn văn hoá với các hoạt động kinh tế*”.

Có thể nói, sự đổi mới về khía cạnh chính trị-pháp lý đã làm thành cơ sở quan trọng cho sự đổi mới văn hoá nước ta trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Nó chính là đòn bẩy để chúng ta xây dựng và phát triển con người và nền văn hoá mới vừa mang tính tiên tiến của thời đại, vừa phát huy các giá trị bản sắc dân tộc của văn hoá truyền thống.

## **2. Tiếp thu các giá trị văn hoá thế giới làm giàu cho văn hoá Việt Nam**

Nhờ chính sách mở cửa, ngày nay người dân Việt Nam đã được tiếp xúc với nhiều loại hình nghệ thuật mới. Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII đã vạch rõ: Bảo vệ bản sắc dân tộc không có nghĩa là đóng cửa khép kín, tách biệt với bên ngoài. Mà “Bảo vệ bản sắc dân tộc phải gắn kết với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong văn hoá các dân tộc khác.” Đại hội X của Đảng cũng chỉ rõ: phải “kế thừa các giá trị truyền thống của dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hoá của loài người, tăng sức đề kháng chống văn hoá đồi trụy độc hại”.

Từ đó, mọi loại hình văn hoá của các dân tộc đều được chúng ta mở cửa đón nhận.

*Trước hết nói về lĩnh vực điện ảnh.* Phim ảnh nước ngoài, đặc biệt là phim phương Tây, bắt đầu được giới thiệu rộng rãi ở nước ta, kể cả phim có giá trị nghệ thuật đặc thù lẫn phim giải trí-thương mại. Đây là một trong những lĩnh vực thể hiện rõ nét nhất *sự biến đổi trong đời sống văn hoá* của người dân Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế. Hiện tại người dân không còn chỉ được thưởng thức các bộ phim của các nước XHCN như trước đây. Ngày nay, với sự hỗ trợ của công nghệ truyền thông hiện đại, phim ảnh nước ngoài đang tràn ngập đời sống văn hoá của người dân Việt Nam. Truyền hình và mạng Internet là những công cụ đắc lực phổ biến phim nước ngoài, đặc biệt là phim phương Tây.

Hiện tại các nhà hoạt động trong ngành điện ảnh đang kêu gọi phải chuyên nghiệp hoá ngành điện ảnh Việt Nam, tức là phải biến nó thành một ngành công nghiệp thực sự: ngành công nghiệp điện ảnh. Chúng ta đang xoá bỏ chế độ bao cấp trong mọi lĩnh vực của đời sống văn hoá-xã hội, trong đó có điện ảnh. Nhưng cơ chế thị trường điện ảnh lại chưa thực sự được hình thành. Từ đó dẫn đến tình trạng sa sút của điện ảnh Việt Nam và hiện nay tình hình này đã đến mức báo động: Từ 300 rạp chiếu bóng xuống còn dưới 100 rạp; từ mức sản xuất 20 phim truyện nhựa hàng năm xuống còn dăm ba phim một năm. Đội ngũ làm phim, từ biên kịch đến đạo diễn, diễn viên, quay phim, đều chưa có tính chuyên nghiệp thực sự. Đặc biệt là chúng ta chưa có trường quay, một điều kiện cốt lõi của công

cuộc chuyên nghiệp hoá điện ảnh và của ngành công nghiệp điện ảnh (xem 5).

Có thể nói, sự biến đổi trong đời sống điện ảnh Việt Nam hiện nay mới chỉ diễn ra chủ yếu trên lĩnh vực thị trường điện ảnh. Có thể đã có những đổi mới trong quan niệm và nhận thức về ngành công nghiệp điện ảnh, nhưng từ quan niệm đến thực hành vẫn còn một khoảng cách khá xa, mà ở giữa hai cực đó là một loạt các điều kiện vật chất-kỹ thuật và nguồn nhân lực mà chúng ta vẫn chưa đáp ứng được. Trên thị trường điện ảnh, sự biến đổi rõ rệt nhất là chúng ta chấp nhận hội nhập quốc tế, cho phép phim ngoại thâm nhập vào thị trường điện ảnh trong nước. Điều này có thể có cả ảnh hưởng tiêu cực lẫn tích cực. Việc điện ảnh nước ngoài thâm nhập vào Việt Nam đã làm cho thị phần phim Việt Nam ở trong nước bị thu hẹp đến mức tối thiểu. Có lẽ điện ảnh là lĩnh vực mà ở đó khái niệm “hàng nội” đã bị mất đi ý nghĩa nhiều nhất. Khán giả, dù có lòng yêu nước đến đâu thì khi xem phim Việt cũng không khỏi ngậm ngùi cho trình độ kỹ thuật và thẩm mỹ của bộ phim. Nhưng, sự thâm nhập của điện ảnh nước ngoài cũng có tác động đổi mới đến tư duy làm phim của Việt Nam và kích thích ngành điện ảnh Việt Nam phát triển. Và vì vậy, nếu muốn tồn tại, ngành điện ảnh nước ta sẽ phải đổi mới căn bản trong tất cả các khâu, tiến tới trở thành một trong những ngành công nghiệp văn hoá có khả năng sinh lợi cao, phục vụ cho công cuộc phát triển đất nước.

*Nhiếp ảnh* cũng có sự đổi mới đáng kể. Trong suốt thời gian diễn ra hai cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, ngành nhiếp ảnh Việt Nam đã hoàn

toàn dành sự nghiệp của mình phục vụ cho các nhiệm vụ chiến lược của đất nước. Mọi quan niệm và chức năng nghệ thuật của nhiếp ảnh đều được dùng để phục vụ nhiệm vụ chính trị. Cho đến thời kỳ đổi mới, nhiếp ảnh mới bắt đầu được thể hiện đầy đủ các chức năng của nó. Chức năng thẩm mỹ và giải trí bắt đầu được quan tâm. Ở đây nữa, tự do văn hoá được thể hiện rõ ràng. Lần đầu tiên trong lịch sử nhiếp ảnh Việt Nam, ảnh khoả thân được xuất bản thành sách: Tập sách ảnh khoả thân *Xuân thì* của Thái Phiên đã được xuất bản năm 2007 tại Nxb. Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh. Nửa tháng sau khi phát hành, 2.000 bản sách *Xuân thì* đã được tiêu thụ hết. Quả thực, đây là một trong những đổi mới gây ấn tượng nhất trong văn hoá Việt Nam hiện đại.

*Âm nhạc hiện đại* thế giới cũng thâm nhập vào Việt Nam một cách ồ ạt chẳng kém gì phim ảnh. Bắt đầu từ cuối thế kỷ XX, nhạc rock, pop, hip-hop (trong loại nhạc hip-hop thì thịnh hành nhất là nhạc rap) của nước ngoài được giới trẻ tự do tiếp nhận, được giới thiệu hàng ngày trên sóng phát thanh-truyền hình, được biểu diễn tại các kỳ liên hoan âm nhạc, các cuộc thi, các sân diễn, phòng trà...

Nhạc rock thâm nhập vào Việt Nam với sự ồn ào náo nhiệt vào đầu những năm 1990, với hai trung tâm lớn là Tp. Hồ Chí Minh và Hà Nội. Cuộc thi các ban nhạc rock toàn quốc mang tên Tiger Translate Rock Your Passion được tổ chức hồi đầu năm 2008, trong đêm diễn Tiger Unite '08 tại sân vận động quân khu 7 Tp. Hồ Chí Minh, đã có gần 30 nghìn khán giả hâm mộ tham gia.

Các hoạt động thể thao cũng nhanh chóng hội nhập với thế giới. Chúng ta bắt đầu tham gia các kỳ đại hội thể thao khu vực và thế giới. Các giải quốc tế về bóng đá, bóng chuyền, taekwondo, v.v... liên tục được tổ chức tại Việt Nam. Đặc biệt là chúng ta đã tổ chức thành công rực rỡ một kỳ Thể thao Đông-Nam Á: *Sea Games 22 năm 2003*. Đây là một kỳ thể thao mà ở đó đoàn Việt Nam giành được nhiều thành công đầu tiên, trong đó có thành công đầu tiên là đứng thứ nhất. Điều này chỉ có đổi mới và hội nhập mới tạo ra được.

Cái mới trong thể thao không chỉ dừng lại ở những con số thành tích, mà cái mới quan trọng là chúng ta đã có những đổi mới tư duy trong quan niệm về thể thao: Từ việc chỉ coi trọng thể thao phong trào sang việc *quan tâm đến thể thao chuyên nghiệp*. Vào những ngày cuối cùng của thiên niên kỷ thứ 2, ngày 30/11/2000, Việt Nam đã chính thức thành lập bóng đá chuyên nghiệp, cho phép các đội bóng được ký kết các hợp đồng kinh tế với các doanh nghiệp, được phép thuê cầu thủ và huấn luyện viên nước ngoài. Có thể nói, đây là những ví dụ sinh động cho thấy Việt Nam đang hội nhập thực sự với thế giới.

Các môn thể thao trước đây được coi là thể thao “xa xỉ” thì nay cũng đã được du nhập và đang dần trở thành một bộ phận của thể thao Việt Nam, như tennis, golf... Những sân golf thi nhau mọc lên bên cạnh những khu nghỉ dưỡng kèm theo du lịch sinh thái đang trở thành một hiện tượng phổ biến ở nước ta. Tuy nhiên, hiện tượng này cũng đang làm nảy sinh những vấn đề về văn hoá môi trường, về chiến lược an ninh lương thực và an sinh xã hội mà chúng tôi sẽ bàn kỹ hơn ở phần sau.

Đặc biệt là hình thức *thi hoa hậu*, một hình thức trước đây bị coi là xa lạ và thậm chí cấm kỵ, đã được công khai thừa nhận và được tổ chức liên tục ở rất nhiều cấp độ: Hoa hậu Việt Nam, Hoa hậu miền, Hoa hậu của các tỉnh - thành, Hoa hậu các dân tộc Việt Nam, Hoa Hậu biển, Hoa hậu áo dài Việt Nam, Hoa hậu tuổi học trò, Hoa hậu ảnh, Hoa hậu thể thao, Hoa hậu báo Tiền Phong, v.v... Riêng cuộc thi *Hoa hậu Việt Nam* đã được tổ chức lần đầu tiên từ năm 1988, ngay sau thời điểm bắt đầu “đổi mới” được hai năm, và từ đó được tổ chức gần như hàng năm. Gần đây, Việt Nam đã tạo được uy tín cho việc tổ chức các cuộc thi hoa hậu thế giới. Cụ thể là năm 2008, lần đầu tiên Việt Nam được đăng cai tổ chức thi Hoa hậu Hoàn vũ với sự có mặt của hoa hậu 80 nước trên thế giới. Việt Nam cũng đã giành được quyền đăng cai tổ chức cuộc thi Hoa hậu Quý bà Thế giới năm 2009 tại Bà Rịa-Vũng Tàu; và quan trọng là Việt Nam đã giành được quyền tổ chức cuộc thi Hoa hậu Thế giới lần thứ 60 vào năm 2010 tại thành phố Nha Trang. Đây là một ví dụ sinh động nhất của chính sách mở cửa và hội nhập văn hoá của nước ta.

Cùng với loại hình văn hoá thi hoa hậu là loại hình *biểu diễn thời trang*. Đây cũng là một loại hình văn hoá hoàn toàn mới, chỉ có được từ ngày đổi mới và hội nhập. Khác với loại hình thi hoa hậu, biểu diễn thời trang đang có xu hướng phát triển từ một loại hình hoạt động văn hoá thành một nghề văn hoá có thu nhập kinh tế. Để tiến tới điều đó, ngày 27/10/2006, Bộ Văn hoá - Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) đã ra quyết định thành lập Hội Người mẫu Việt Nam, Hội sẽ hoạt động như một hội nghề nghiệp. Như vậy, sau

đúng 20 năm đổi mới, các loại hình văn hoá mang tính đại chúng nhất của phương Tây đã hoàn toàn thâm nhập vào Việt Nam.

*Các hiện tượng khác* của văn hoá nước ngoài cũng rất dễ dàng được Việt Nam đón nhận trong thời kỳ mở cửa này, ví dụ những lễ hội của nước ngoài như lễ Valentine, lễ Noel, lễ Phục sinh... Đây là những lễ hội đang được công chúng hân hoan tiếp nhận ở Việt Nam. Vậy tại sao lại có hiện tượng như vậy?

Chúng tôi cho rằng sở dĩ những lễ hội Cơ Đốc giáo đang được đón nhận hồ hởi là vì có một thời ở nước ta đạo Cơ Đốc phần nào bị tách biệt với đời sống xã hội, chưa được hoà nhập sâu rộng trong dân chúng. Giờ đây, khi mà chính sách tự do tín ngưỡng được thực thi rộng rãi trên cả nước, thì những lễ hội của đạo Cơ Đốc đột nhiên trở thành những hiện tượng văn hoá mới lạ đối với dân chúng. Vì thế chúng được đón nhận như là những giá trị văn hoá mới mẻ cần được tiếp thu. Mặt khác, với tính thực dụng và vụ lợi cao của các lễ hội văn hoá đạo Cơ Đốc (các lễ hội đều kèm theo thủ tục tặng quà), chúng rất dễ thâm nhập vào đời sống xã hội của toàn dân. Mỗi lễ hội Cơ Đốc giáo thường kéo theo sự tham gia của nhiều doanh nghiệp và đem lại lợi ích kinh tế không nhỏ cho họ. Vì thế, khả năng xã hội hoá lễ hội của nó là rất cao. Hơn nữa, những hiện tượng văn hoá nào có được sự hậu thuẫn về kinh tế thì sẽ có sức phổ biến mạnh hơn. Mà đạo Cơ Đốc lại xuất phát từ phương Tây, là nơi mà toàn cầu hoá kinh tế của chủ nghĩa tư bản đã nảy sinh và lan toả ra khắp thế giới, và hiển nhiên quá trình toàn cầu hoá kinh tế đó đã đóng vai trò như là vật truyền dẫn để phổ biến những hiện tượng văn hoá

của phương Tây. Vì thế chúng ta hiểu tại sao trong thời đại hội nhập này, những hiện tượng văn hoá của phương Tây lại có sức lan toả mạnh hơn so với các hiện tượng văn hoá của phương Đông.

Hai lĩnh vực quan trọng của đời sống văn hoá là *văn học-nghệ thuật và ngôn ngữ* cũng thể hiện sự giao lưu văn hoá và tiếp nhận các giá trị bên ngoài rất sôi động. Nhưng do tính chất đặc thù của hai lĩnh vực này, chúng tôi sẽ nói riêng trong những dịp khác.

Tất cả những hiện tượng trao đổi văn hoá nói trên là biểu hiện sinh động nhất của sự biến đổi trong đời sống văn hoá theo hướng tiếp thu các giá trị văn hoá thế giới. Chúng cũng là những hiện tượng đang làm thay đổi căn bản bộ mặt của đời sống văn hoá Việt Nam. Có thể nói, các loại hình văn hoá-nghệ thuật mới của phương Tây đã được tiếp thu rộng rãi để làm thành một bộ phận quan trọng của văn hoá Việt Nam.

### **3. Phục hồi và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống**

Nói đến đổi mới, người ta thường thấy nó thể hiện rõ nhất ở khía cạnh tiếp thu cái mới từ bên ngoài. Nhưng trên thực tế, việc đổi mới trong sự kế thừa các giá trị truyền thống luôn có một ý nghĩa quan trọng cho việc xây dựng một nền văn hoá mới. Bởi lẽ, việc xây dựng một công trình mới sẽ ít tốn kém hơn nhiều nếu nó được dựa trên những cơ sở có sẵn.

Đảng ta đã khẳng định: “Di sản văn hoá là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hoá” (1, tr. 173). Vì thế, việc

phát huy các giá trị văn hoá truyền thống luôn là nhiệm vụ hàng đầu của toàn xã hội.

Trong thời kỳ trước đổi mới, vấn đề tiếp thu di sản văn hoá truyền thống cũng đã gặp phải căn bệnh giáo điều, ấu trĩ. Mặc dù ở nước ta không có những hiện tượng huỷ hoại văn hoá nghiêm trọng, nhưng có một thời chúng ta chỉ tiếp thu những giá trị văn hoá phù hợp với hệ tư tưởng của chúng ta. Những giá trị trái ngược với chủ nghĩa vô thần đều bị hạn chế. Ngày nay, với đường lối tự do văn hoá được cụ thể hoá thành tự do tín ngưỡng, chúng ta đã phục hồi và tiếp thu các giá trị văn hoá tín ngưỡng phong phú của dân tộc. Đình, chùa, nhà thờ được phục hồi. Các viện thần học như thiền viện, chủng viện, được xây dựng ở khắp nơi. Mọi người dân đều được quyền tự do lựa chọn những giá trị văn hoá nào phù hợp với niềm tin của mình. Trong tinh thần đó, lễ hội truyền thống cũng được phục hồi trên khắp cả nước. Có thể nói, kể từ ngày đổi mới, một *môi trường văn hoá mới* đang được hình thành trên đất nước ta theo tinh thần của quyền tự do văn hoá.

Thế nhưng, quyền tự do văn hoá vượt ra ngoài các nguyên tắc đạo đức-luật pháp sẽ có nguy cơ gây tác hại đến hệ giá trị văn hoá của dân tộc. Đảng đã chủ trương rất đúng về phát huy di sản văn hoá trong Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII: “Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán, lễ thói cũ”. Chủ trương này rất phù hợp với quan điểm của thế giới.

Vậy mà ở nước ta, khi tiếp thu di sản văn hoá truyền thống, trong thời gian đầu của thời kỳ đổi mới, người ta

đã nhân danh việc bảo vệ bản sắc dân tộc để phát động những chiến dịch phục hồi tràn lan mọi hiện tượng văn hoá của quá khứ. Lễ hội được tổ chức triền miên ở khắp các địa phương. Đi kèm với nó là những hủ tục lạc hậu như lên đồng, bói toán, đốt vàng mã xa xỉ... Có một thời chúng ta có cảm giác như người dân Việt Nam đang phát động một cuộc “tổng hành hương” trở về quá khứ, với quan điểm phiến diện cho rằng chỉ có truyền thống văn hoá mới cho chúng ta có được tính dân tộc. Những hiện tượng tiêu cực trong việc kế thừa, tiếp thu di sản văn hoá truyền thống đang làm cho môi trường văn hoá đổi mới của nước ta có phần nào bị ô nhiễm, và vì thế chúng cần phải được loại bỏ.

Trong tinh thần đó, chúng tôi thấy gần đây ở nước ta đang xuất hiện *một hiện tượng đổi mới đáng ghi nhận trong việc phát huy loại hình lễ hội*. Các lễ hội truyền thống mang tính tín ngưỡng có vẻ như đã trở nên bảo hoà và đang nhường chỗ cho loại hình *lễ hội thể tục* mang tính chất phát huy các giá trị văn hoá hiện đại. Loại lễ hội này hướng tới mục tiêu phát huy giá trị vật chất-kinh tế của văn hoá để phục vụ công cuộc phát triển. Điều này rất phù hợp với xu hướng thực dụng trong văn hoá tiêu dùng của thế giới hiện đại thời kỳ toàn cầu hoá. Ở đây có sự giao lưu giữa các giá trị truyền thống với hiện đại. Người Việt Nam đã nhanh nhạy tiếp thu xu hướng thực dụng hiện đại của lễ hội trên thế giới, biến lễ hội thành một công cụ văn hoá phục vụ sự nghiệp phát triển. Và thế là mấy năm gần đây, chúng ta được chứng kiến sự đăng quang của các lễ hội thể tục rất hiện đại như lễ hội du lịch, lễ hội thể thao, lễ hội sách, lễ hội báo xuân, lễ hội trái cây, lễ

hội nhảy dù, lễ hội pháo hoa, lễ hội ẩm thực, lễ hội sông nước, v.v... Và để thu hút giao lưu quốc tế, chúng ta còn dùng cả tiếng Anh để gọi tên một số lễ hội, trong đó đặc biệt có “Festival Huế” được tổ chức hàng năm tại thành phố Huế, một lễ hội văn hoá đa sắc thu hút sự tham gia của đủ các loại hình văn hoá và nhiều đoàn nghệ thuật trong và ngoài nước. Có thể nói, sự kế thừa và phát huy di sản văn hoá truyền thống ở nước ta đang đi đúng hướng theo tinh thần đổi mới và hội nhập.

Các thể loại văn hoá truyền thống như *tông, chèo, cải lương, các làn điệu dân ca cổ truyền*, và đặc biệt là cả những thể loại nghệ thuật mà trước đây không được coi trọng như *ca trù* (còn được gọi là *hát ả đào*), nay cũng được Nhà nước và giới nghiên cứu quan tâm. Chúng ta đã có chủ trương, chính sách bảo tồn các thể loại văn hoá truyền thống này. Các nhà hát được đầu tư, cải tạo, các nghệ nhân cao tuổi được chú ý và khuyến khích phát huy tài năng để truyền thụ kinh nghiệm cho thế hệ trẻ. Tuy nhiên, do quy luật phát triển của hệ giá trị, các loại hình văn hoá truyền thống không thể giữ nguyên được giá trị cũ của chúng. Vì thế, việc đổi mới và phát huy tác dụng của các thể loại văn hoá này phải được tiến hành như thế nào để chúng có được vị trí trong sự tiếp nhận của xã hội và để phục vụ cho sự nghiệp hiện đại hoá đất nước vẫn đang là một bài toán khó giải đáp.

Có thể nói, việc kế thừa và phát huy di sản truyền thống kết hợp với tiếp thu các giá trị văn hoá thế giới đã trở thành một chiến lược quan trọng trong sự nghiệp phát triển văn hoá phục vụ công cuộc hiện đại hoá đất nước.

#### 4. Vấn đề nảy sinh trong việc kế thừa truyền thống và tiếp thu văn hoá thế giới

Tiếp thu văn hoá thế giới là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước. Thế nhưng tiếp thu phải dựa trên cơ sở và điều kiện kinh tế-xã hội-văn hoá của Việt Nam, phải tiếp thu những gì phù hợp với nước ta và nhất là *những gì có khả năng vận dụng vào nước ta*.

Có một quy luật phổ biến là một đất nước sau một thời gian dài đóng cửa, khi được mở cửa sẽ rất dễ bị rơi vào một trạng thái cực đoan khác: tiếp thu xô bồ và không phân biệt. Đời sống văn hoá Việt Nam hiện nay cũng có phần nào rơi vào tình trạng như vậy.

Nhìn vào đời sống văn hoá Việt Nam, ngoài những thành tựu tiếp thu tích cực có khả năng phục vụ cho sự nghiệp hiện đại hoá đất nước, chúng ta còn có cảm giác như tư duy của chúng ta có phần nào bị lệ thuộc vào lối tư duy của phương Tây. Đó là lối tư duy bất chú một cách phi logic. Từ đó dẫn đến những hiện tượng lạm dụng trong việc tiếp thu. Chúng ta lạm dụng trong việc sử dụng tiếng Anh; lạm dụng trong việc tiếp thu các khái niệm và lý thuyết văn học-nghệ thuật; lạm dụng trong các chương trình giải trí và quảng cáo trên các phương tiện truyền thông đại chúng (đặc biệt là trên truyền hình và truyền thanh); lạm dụng sách thương mại; lạm dụng yếu tố nhục dục trong văn học, phim ảnh, âm nhạc, kể cả sân khấu (ngày nay thường được gọi chung bằng một từ thời thượng là “cảnh nóng”); lạm dụng hình thức biểu diễn một số loại hình văn hoá đại chúng như biểu diễn thời trang, thi hoa hậu; lạm dụng một số môn thể thao “xa xỉ” như “golf”, lạm dụng việc tổ chức lễ hội,...

Về những cuộc thi hoa hậu gần đây, theo cuộc thăm dò dư luận trên mạng *yahoo*, thì tỷ lệ cư dân mạng phản đối thi hoa hậu tính đến cuối tháng 8-2008 là rất cao: 76% số người được hỏi trả lời rằng “hiện đang có quá nhiều cuộc thi hoa hậu ở Việt Nam” (xem 6). Báo mạng *Tuanvietnam.net* cũng đăng dư luận của nhiều bạn đọc phản đối sự phù phiếm và xa xỉ của tình trạng lạm dụng thi hoa hậu trong điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn của Việt Nam (xem 7). Và rồi đến kết quả cuộc thi hoa hậu Việt Nam 2008 ngay sau đó, chuyện bê bối về gian lận học bạ của hoa hậu Trần Thị Thuỳ Dung và cách giải quyết vô trách nhiệm của Ban tổ chức đã làm cho sự bất bình và thất vọng củ dư luận nổ bùng lên như giọt nước làm tràn ly. Có thể thấy, trong thâm tâm, người dân Việt Nam vẫn cho rằng cái giới hạn về “mức độ” cùng với giá trị chân thực và trong sáng vẫn là một số trong những tiêu chí của văn hoá.

Sự lạm dụng “cảnh nóng” trong văn học-nghệ thuật cũng đang tạo ra những tác động tiêu cực trong xã hội: tỷ lệ nạo thai của trẻ em gái vị thành niên đang ở mức báo động. Có một loạt bé gái 13 tuổi khi chứa hoang mà không biết ai là bố đứa trẻ, vì họ có quan hệ tình dục với hơn một tá đàn ông trong một xã, đến nỗi các giám định viên ADN đã không còn đủ kiên nhẫn trong việc đi tìm người cha đích thực của đứa bé (8). Hiện tượng ngoại tình gia tăng hiện nay cũng là một hệ quả tương tự.

Còn đối với hiện tượng xây dựng *sân golf*, hiện đang có quá nhiều tiếng kêu của người nông dân. Người ta nói đến chuyện: Sân golf “xuống” ruộng, nông dân mang án nghèo! Nghe những tiếng than của người nông dân, chúng ta mới

thấy rõ căn bệnh vụ lợi đang thâm nhập vào đời sống của người dân Việt Nam, làm cho những người có chức quyền trở nên vô cảm trước nguy cơ người nông dân bị bản cùng hoá vì các dự án sân golf, nhà nghỉ dưỡng (mà người ta thích gọi bằng cái tên tiếng Anh cho “oai” là “spa”, “resort”). Theo một số người thì hiện tại con số sân golf ở nước ta là quá cao: cả nước có tới 123 sân golf đã và đang được xây dựng, chiếm tới 38.000 ha, trong đó đặc biệt nguy hại là gần một nửa diện tích là đất nông nghiệp, trong khi đó thì trên thế giới, golf không được đưa vào Đại hội Thể thao Olympic, và thế giới cũng có Ngày Thế giới Không có Golf là ngày 29/4 hàng năm (xem 9). Đến mức chính Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh khi về làm việc với tỉnh Hoà Bình cũng phải tuyên bố: phải hết sức tránh đưa sân golf xuống các cánh đồng lúa (10). Và trong thời điểm kinh tế thế giới gặp khó khăn vào những ngày tháng 8 năm nay, Tổng thống Hàn Quốc Lee Myung-bak cũng yêu cầu giới chức Hàn Quốc tạm dừng chơi golf (11). Như thế, xây sân golf có phải là hiện tượng lạm dụng ở Việt Nam không?

Và đặc biệt hơn cả là sự lạm dụng quyền tự do sáng tác. Như chúng tôi đã nói, Đảng rất nhiều lần khẳng định quyền tự do sáng tác, nhưng Đảng cũng nhấn mạnh tự do phải đi đôi với *trách nhiệm công dân*. Thế nhưng trên thực tế vẫn có những hiện tượng cực đoan. Một mặt, đây đó vẫn còn những “ý kiến chỉ đạo” mang tính của quyền, làm tổn hại đến tự do diễn đạt và tự do sáng tác. Nhưng mặt khác, với sự phát triển của công nghệ thông tin, đặc biệt là của Internet, quyền tự do diễn đạt và tự do sáng tác nhiều khi đã vượt quá giới hạn.

Với việc xuất bản trên mạng hiện nay, ở đó vai trò của nhà xuất bản và thậm chí của cả người biên tập hầu như không còn, thì tự do diễn đạt và tự do sáng tác đã đạt tới mức gần như tuyệt đối, lấn át trách nhiệm công dân. Có nhiều bài viết như thể chỉ để thoả mãn lòng hiếu thắng của cá nhân. Có những sáng tác, những bài viết cấu thả, tặc trách vẫn cứ được đưa lên mạng. Có thể nói trong trường hợp như vậy, *tự do của người này đang làm tổn hại đến tự do của người khác*. Rõ ràng, một kiểu tự do diễn đạt và tự do sáng tác như thế sẽ là sự vi phạm quyền con người.

Đã đến lúc chúng ta cần chấn chỉnh tất cả những hiện tượng lạm dụng trên đây để xây dựng một nền văn hoá nhân văn, dân chủ và nhân quyền.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Các nghị quyết của Trung ương Đảng 1996-1999. H.: Chính trị Quốc gia, 2000.
2. BCH TƯ Đảng khoá VIII. “Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2001-2005”, trong: Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. H.: Chính trị quốc gia, 2001.
3. BCH TƯ Đảng khoá IX, “Báo cáo của BCH TƯ Đảng khoá IX về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2006-2010 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng”, trong: Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. H.: Chính trị quốc gia, 2006.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam. “Nghị quyết của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”. *Bản tin lý luận phê bình văn học nghệ thuật*, số 1, tháng 6-2008.
5. Vũ Quỳnh Trang. Điện ảnh nước nhà vật lộn với khó khăn để tồn tại, *Tintuonline*, ngày 2/3/2008; và Thanh Huyền. Chuyên nghiệp hoá điện ảnh cần bắt đầu từ mọi khâu, *Tintuonline*, ngày 18/7/2008.
6. Mạng *yahoo.com.vn*.
7. Xem: Bùi Dũng. “Sau ‘bùng nổ’ hoa hậu là gì...?” cùng những lời bình luận xung quanh bài viết này trên *Tuanvietnam.net*, ngày 25/6/2008.
8. Bi hài việc giám định thủ phạm hiếp dâm trẻ em, *Vnexpress.net*, ngày 26/6/2008.
9. Hoàng Quốc Hải. Sân golf, nỗi trăn trở của một nhà văn. *Văn nghệ*, số 32/2008.
10. Tổng Bí thư yêu cầu không ‘đưa’ sân golf xuống đồng lúa, *Vietnamnet*, ngày 25/7/2008.
11. Hải Ninh. Tổng thống Hàn Quốc khuyên bỏ chơi golf, *Vnexpress.net*, ngày 22/8/2008.